

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC NĂM 2023
TẠI KỲ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
(Ngày 26 tháng 04 năm 2024)

Kính thưa Quý Cổ đông!

Căn cứ Điều lệ Công ty, hôm nay Công ty tiến hành Đại hội Cổ đông thường niên năm 2024. Thay mặt Ban Giám đốc, tôi xin báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty năm 2023 và Kế hoạch SXKD năm 2024 như sau:

I. CÔNG TÁC NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG;

DPC đã được nghiệm thu hoàn thành tất cả các hạng mục hoàn công để đưa vào sử dụng theo đúng qui định pháp luật.

II. BIẾN ĐỘNG NHÂN SỰ:

Trong năm 2023, lực lượng lao động của Công ty giảm 13 người (21%), nguyên nhân chủ yếu do việc làm và thu nhập người lao động giảm, dẫn đến một số vị trí công việc phải cắt giảm và một số người lao động xin chấm dứt hợp đồng lao động.

TT	BỘ PHẬN	Tháng 04/2024	Tháng 04/2023	Tăng/Giảm	Tỷ lệ %
1	Ban Giám đốc	2	1	-1	
2	Phòng Kinh doanh	4	2	-2	
3	Phòng QA	3	3	0	
4	Phòng Kế toán	4	4	0	
5	Phòng TCHC	5	4	-1	
6	Xưởng sản xuất	23	15	-8	
7	Kho vận	21	20	-1	
	Tổng cộng	62	49	-13	79,03%

III. BÁO CÁO TÀI SẢN, NGUỒN VỐN:

Tổng tài sản và nguồn vốn của DPC đến 31/12/2023 giảm 7,8 tỷ đồng so với đầu năm (giảm 9,5%). Tổng tài sản giảm chủ yếu do DPC thanh lý các thiết bị cũ, hỏng hoặc không còn hoạt động. Tài sản ngắn hạn giảm do kết quả SXKD không đạt kế

hoạch, trong khi vẫn phải chi trả cho người lao động để duy trì hoạt động dẫn đến dòng tiền và các tài sản ngắn hạn khác giảm.

TT	Nội dung	Số dư cuối kỳ (31/12/2023)	Số dư đầu kỳ (01/01/2023)	Tăng/Giảm	Tỷ lệ %
A	TÀI SẢN				
I	Tài sản ngắn hạn	8.698.491.072	11.738.465.947	-3.039.974.875	74,10%
1	Tiền và các khoản trương đương tiền	1.341.368.190	2.165.915.086	-824.546.896	61,93%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.131.038.593	1.898.938.400	-767.899.807	59,56%
3	Hàng tồn kho	5.410.681.870	6.072.639.963	-661.958.093	89,10%
4	Tài sản ngắn hạn khác	814.856.569	1.600.972.498	-786.115.929	50,90%
II	Tài sản dài hạn	66.064.791.972	70.843.466.018	-4.778.674.046	93,25%
1	Tài sản cố định	39.082.791.396	39.392.865.226	-310.073.830	99,21%
2	Tài sản dài hạn khác	26.982.000.576	31.450.600.792	-4.468.600.216	85,79%
	TỔNG CỘNG	74.763.283.044	82.581.931.965	-7.818.648.921	90,53%

TT	Nội dung	Số dư cuối kỳ (31/12/2023)	Số dư đầu kỳ (01/01/2023)	Tăng/Giảm	Tỷ lệ %
B	NGUỒN VỐN				
I	Nợ phải trả	48.312.262.589	48.796.932.232	-484.669.643	99,01%
1	Nợ ngắn hạn	15.202.042.005	13.987.526.352	1.214.515.653	108,68%
2	Nợ dài hạn	33.110.220.584	34.809.405.880	-1.699.185.296	95,12%
II	Vốn chủ sở hữu	26.451.020.455	33.784.999.733	-7.333.979.278	78,29%
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	22.372.800.000	22.372.800.000	0	100,00%
	- Thặng dư vốn cổ phần	1.625.000.000	1.625.000.000	0	100,00%
	- Quỹ đầu tư phát triển	26.383.454.933	26.383.454.933	0	100,00%
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-23.930.234.478	-16.596.255.200	-7.333.979.278	144,19%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	74.763.283.044	82.581.931.965	-7.818.648.921	90,53%

IV. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Tăng/Giảm	Tỷ lệ %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.210.112.178	21.823.025.145	8.387.087.033	138,43%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	387.306.491	255.797.408	131.509.083	151,41%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.822.805.687	21.567.227.737	8.255.577.950	138,28%
4	Giá vốn hàng bán	22.258.805.687	10.506.156.717	11.752.648.970	211,86%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.563.830.799	11.061.071.020	-3.497.240.221	68,38%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21.632.624	49.879.297	-28.246.673	43,37%
7	Chi phí tài chính	3.396.612.755	2.122.821.065	1.273.791.690	160,00%
8	Chi phí bán hàng	8.162.253.097	4.227.360.636	3.934.892.461	193,08%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.095.207.089	20.690.175.715	-16.594.968.626	19,79%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-8.068.609.518	-15.929.407.099	7.860.797.581	50,65%
11	Thu nhập khác	736.364.791	953.614.290	-217.249.499	77,22%
12	Chi phí khác	1.734.551	662.236.631	-660.502.080	0,26%
13	Lợi nhuận khác	734.630.240	291.377.659	443.252.581	252,12%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-7.333.979.278	-15.638.029.440	8.304.050.162	46,90%
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-7.333.979.278	-15.638.029.440	8.304.050.162	46,90%
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-3.278	-6.990	3.712	46,90%

V. ĐÁNH GIÁ NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP:

1. Đánh giá chung năm 2023:

Doanh thu và lợi nhuận năm 2023 không đạt kế hoạch Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên giao.

Doanh thu đạt 30,2 tỷ đồng (40,3% kế hoạch).

Lợi nhuận: Lỗ 7,33 tỷ đồng (-96,4% kế hoạch).

2. Nguyên nhân:

✓ **Doanh thu thấp:**

- Sản phẩm chủ lực của DPC là ống HDPE, năm 2023 nhu cầu của khu vực giảm, các công trình, dự án ngưng đọng, DPC gặp sự cạnh tranh về giá, công nợ từ rất nhiều nhà cung cấp cùng ngành.

- Sản phẩm ống PVC Dipe gia công không đạt chất lượng, không tạo ra doanh thu (chỉ đạt 0,4 tỷ đồng), hiện đã tạm ngừng hợp tác.

- Sản phẩm thương mại phụ kiện S-T doanh số thấp (chỉ đạt 1,8 tỷ đồng).

- Doanh thu (dòng tiền thu) từ logistic đạt 75% (giảm 3,25 tỷ đồng) so với năm 2022.

- Năng lực nhân sự quản lý/nghiệp vụ và nhân sự kinh doanh thiếu hụt, chưa đáp ứng, còn chắp vá do ảnh hưởng từ việc di dời địa điểm.

✓ **DPC gánh nhiều chi phí trả nợ:**

- Năm 2023 DPC đã chi trả các khoản nợ/ vay như sau: Tổng trả nợ 5,47 tỷ đồng. Trong đó:

+ Trả Nợ gốc phần xây dựng: 2,496 tỷ đồng (NH Shinhan 4 kỳ x 0,6246 tỷ/kỳ).

+ Lãi vay: 2,97 tỷ đồng, Trong đó:

Lãi vay 20 tỷ của BMP: 1,08 tỷ đồng.

Lãi vay trả tổ chức tín dụng 1,89 tỷ đồng (Lãi phần nợ xây dựng 1,4 tỷ đồng, lãi vay vốn lưu động 0,38 tỷ đồng, lãi mua dây chuyên ống HDPE 0,11 tỷ đồng).

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao chủ yếu từ chiết khấu bán hàng và các tài sản về đất, xây dựng bắt đầu được đưa vào khấu hao.

- Chi phí lương/điện/nước nhiều hơn năm 2022 do có hoạt động sản xuất.

- Cộng thêm có các chi phí về hạ tầng KCN, mua bảo hiểm cháy nổ, duy tu bảo dưỡng...

- Thiết bị sản xuất cũ và lạc hậu, năng suất thấp, chịu nhiều chi phí sửa chữa.

✓ **Lợi nhuận lỗ:**

- Doanh thu bán hàng không đạt như kế hoạch để có thể đủ bù đắp các định phí bắt buộc.

- Doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động logistic giảm nhiều so với năm 2022 (giảm 3,2 tỷ đồng tương ứng 75% so với cùng kỳ và 81% so với kế hoạch năm).

- Tổng lỗ năm 2023: -7,33 tỷ đồng. Trong đó:

+ Lỗ ròng từ hoạt động SXKD: -4,1 tỷ đồng.

+ Lỗ do gánh thêm chi phí phân bổ tiền thuê đất từ 10/2019 đến năm 2022: - 3,2 tỷ đồng

3. Các giải pháp đã và sẽ tiếp tục thực hiện:

✓ **Tăng doanh thu bán hàng đủ để bù đắp các định phí.**

- Xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với thị trường hiện nay.
- Tuyển dụng, đào tạo để bổ sung nhân sự kinh doanh còn yếu hiện nay.
- Nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm để tạo dựng uy tín với khách hàng.
- Lựa chọn nhà phân phối, mở rộng thị trường phân phối sản phẩm.
- Thường xuyên nâng cao năng lực giao nhận của kho trong hoạt động logistic.
- Tìm kiếm và lựa chọn thêm các cơ hội hợp tác và hỗ trợ từ các khách hàng/ đối

tác...

- Đầu tư thiết bị sản xuất Ống PVC Dipe...

✓ **Giảm các chi phí trong hoạt động SXKD:**

- Định mức lại đơn giá tiền lương sản phẩm/ doanh thu, bố trí lao động phù hợp.
- Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị để tạo ra sản phẩm ổn định chất lượng, giảm tỷ lệ phế phẩm, giảm tỷ lệ tiêu hao nguyên liệu, giảm chi phí sửa chữa....
- Tiết kiệm điện/nước và các chi phí khác ...

✓ **Giảm bớt áp lực trả nợ và có vốn để đầu tư, bổ sung vốn lưu động:**

Ban điều hành trình các giải pháp:

- Tích lũy và tăng dòng tiền có lợi nhuận để trả bớt các khoản nợ, giảm áp lực về chi phí trả nợ.
- Vay từ Công ty liên kết/Cổ đông chiến lược với lãi vay ưu đãi, ân hạn trả nợ gốc trong thời hạn từ 2 đến 3 năm. Sau đó có thể phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nếu DPC đến kỳ hạn chưa có khả năng trả nợ.
- Phát hành cổ phiếu phân đối ứng với ngân hàng để mua máy móc thiết bị, số còn lại vay các tổ chức tín dụng.

Hoặc phát hành 50% Vốn điều lệ để bổ sung vốn lưu động và đầu tư tăng giá trị tài sản (nếu được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua).

VI. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2023	TỶ LỆ %
A	B	C	I	2	3=I/2
1	Doanh thu:	Tỷ đồng	69	30,2	228,5%
	Sản phẩm DPC sản xuất	Tỷ đồng	36	18,55	194,1%
	Sản phẩm thương mại ống PVC Dipi và phụ kiện S-T	Tỷ đồng	23,5	2,2	1068,2%
	Logistic SP BMP	Tỷ đồng	8,1	7,88	102,8%
	Cho thuê kho BMP	Tỷ đồng	1,44	1,44	100,0%
2	Sản lượng DPC sản xuất	Tấn	780	388	201,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5	-7,33	168,2%
	Sản phẩm DPC sản xuất	Tỷ đồng	0,3	-12,31	-2,4%
	Sản phẩm thương mại	Tỷ đồng	0,7	0	
	Logistic sản phẩm BMP	Tỷ đồng	4	4,98	80,3%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4	-7,33	154,6%
5	EBITDA	Tỷ đồng	10,29	-2,16	-477,4%
6	EBITDA Margin	%	0,18	0,04	460,6%
	Thuế TNDN	Tỷ đồng	1	0	-
	Lãi vay	Tỷ đồng	2,9	2,97	97,8%
	Khấu hao	Tỷ đồng	2,39	2,2	108,3%
7	Đầu tư	Tỷ đồng	9	1,66	0,0%
8	Quỹ lương	Tỷ đồng	7,42	6,78	109,5%

Trên đây là Báo cáo của Giám đốc xin báo cáo với các Cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.

Kính chúc quý vị sức khỏe. Xin cảm ơn!

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Tuyển